

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Hà

Ông Bùi Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 273/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đình T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Thúy M, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Đình T trình bày:

Ngày 07/3/2009, ông và bà Hoàng Thị Thúy M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, vợ chồng có được tìm hiểu nhau tự nguyện, sau đó về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thường phát sinh mâu thuẫn vì nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vào tháng 10 năm 2022, khi mâu thuẫn đã đến đỉnh điểm, bà M bỏ nhà đi nơi khác sống ly thân hoàn toàn với ông. Trong thời gian đó, gia đình hai bên đều biết nhưng không thể có biện pháp gì hàn gắn tình cảm cho vợ chồng ông được. Đến nay, ông khẳng định tình cảm vợ chồng ông đã hết, không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông và bà Hoàng Thị Thúy M có 02 người con là cháu Trần Hoàng Bảo M1, sinh ngày 24/12/2009 và cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 25/3/2014 hiện nay đang ở với ông. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con. Vì ông đang là công chức Nhà nước có mức thu nhập trung bình 13.500.000đ/tháng có điều kiện về chỗ ở ổn định và bản thân hai con vẫn ở cùng với ông từ bé đến nay. Ông nhận thấy bà M tuy có công việc ổn định nhưng vẫn đang phải thuê nhà để ở, mặt khác bà M chơi bời nên nợ nần nhiều khoản, sống không chuẩn mực nên ông không yên tâm khi giao con cho bà M.

Về tài sản và các vấn đề khác: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị Thúy M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như ông T trình bày là đúng. Bản thân bà đã ly hôn ông T từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T xin ly hôn, bà cũng đồng ý. Khi ly hôn, bà xin được nuôi cháu Trần Hoàng Gia B và đồng ý để ông T tiếp tục nuôi cháu Trần Hoàng Bảo M1. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại bà đang làm công việc là y sĩ, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, giờ làm việc linh hoạt nên có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản và các vấn đề khác: Bà không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, con chung của ông T và bà M có trình bày ý kiến, trong đó cháu Trần Hoàng Bảo M1 nguyện vọng xin được ở với mẹ, còn cháu Trần Hoàng Gia B nguyện vọng được ở với bố.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng pháp luật về tố tụng nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông Trần Đình T được ly hôn bà Hoàng Thị Thúy M. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Bảo M1, sinh ngày 24/12/2009 cho bà Hoàng Thị Thúy M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 25/3/2014 cho ông Trần Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Về án phí: Ông T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Trần Đình T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là bà Hoàng Thị Thúy M cư trú tại: Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình T và bà Hoàng Thị Thúy M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 07/3/2009 nên là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Xét thấy, ông T và bà M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống như vậy có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn của các đương sự đã trong tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, ông T và bà M đều có đủ điều kiện để nuôi con sau khi ly hôn nên việc giao cả hai con chung cho một bên trực tiếp nuôi là không phù hợp. Vì vậy yêu cầu của ông T xin nuôi cả hai con là không có căn cứ để chấp nhận. Xét nguyện vọng của con chung, thấy rằng cháu Bảo M1 có mong muốn được ở

với mẹ, còn cháu Gia B muốn ở với bố, nguyện vọng này của các cháu là tự nguyện, chính đáng có căn cứ để xem xét chấp nhận. Để xác định người được nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao bà M nuôi cháu M1 là phù hợp vì cháu M1 là con gái, đang trong độ tuổi dậy thì phát triển tâm sinh lý của nữ giới nên khi ở với người mẹ sẽ có nhiều điều kiện tốt hơn cho việc chăm sóc và giáo dục cháu thành niên. Đối với cháu B, sinh sống cùng ông T từ bé, mọi điều kiện ăn ở học tập sinh hoạt đang bình thường nên việc giao ông T trực tiếp nuôi là có cơ sở để đảm bảo đời sống của cháu được tiếp tục ổn định. Vì vậy, khi ông T bà M ly hôn, giao ông T trực tiếp nuôi cháu B, giao bà M trực tiếp nuôi cháu M1 là phù hợp. Trong vụ án này, các đương sự được giao nuôi con đều có đủ điều kiện kinh tế và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không tranh chấp, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trọng xin ly hôn đơn phương và có nguyện vọng tự chịu toàn bộ án phí là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2. 5]. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố V phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình T được ly hôn với bà Hoàng Thị Thúy M. Thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Bảo M1, sinh ngày 24/12/2009 (đang sống cùng ông Trần Đình T) cho bà Hoàng Thị Thúy M trực tiếp trông nom, chăm sóc,

giáo dục và nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 25/3/2014 cho ông Trần Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông T, bà M không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Trần Đình T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên theo biên lai thu số 0006172 ngày 06 tháng 11 năm 2024 (xác nhận ông T đã nộp xong).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Vĩnh Yên;
- UBND phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục T.H.A.DS Tp. Vĩnh Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Quang

